

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HS-PT

Ngày 21 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiên và ông K'Tiêng

Thư ký phiên toà: Bà Mã Thị Kỳ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Trần Duy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/TLPT-HS ngày 16-01-2018 đối với bị cáo Vũ Đình B và đồng phạm do có kháng cáo của bị hại anh Nguyễn Văn K đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 29-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

1. Các bị cáo bị kháng cáo:

1.1. Vũ Đình B (tên gọi khác: **Vũ Công B**), sinh ngày 27 tháng 12 năm 1959, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình C và bà Lại Thị S; có vợ là Trần Thị D (đã chết) và 02 con đều là bị cáo trong vụ án; bị bắt tạm giam từ ngày 27-7-2017 đến ngày 15-9-2017, tại ngoại - Có mặt.

1.2. Vũ Đức Đ, sinh năm 1967, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình C và bà Lại Thị S; có vợ là Hoàng Thị C và 06 con; bị bắt tạm giam từ ngày 27-7-2017 đến ngày 15-9-2017, tại ngoại - Có mặt.

1.3. Vũ Trần T, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1988, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Vũ Đình B và bà Trần Thị D (đã chết); có vợ là Hồ Nữ Tâm L và 02 con; tại ngoại - Có mặt.

1.4. Vũ Thái A, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1980 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình B và bà Trần Thị D (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tại ngoại - Có mặt.

2. Bị hại có kháng cáo: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị V (Văn bản ủy quyền ngày 19-6-2018); địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

- Ông Vũ Văn Trung, Luật sư Cty luật TNHH MTV ATA, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 27 Bis Tôn Thất Tùng, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

- Ông Bùi Quang Huy, Luật sư Văn phòng luật sư Nhật Việt, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số A27 Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 19-3-2017, sau khi tham dự ăn nhậu tại nhà ông Nguyễn Thế L (tổ chức tiệc trước đám cưới cho con gái), do có mâu thuẫn trong nội bộ gia đình nên giữa Vũ Đình B, Vũ Đức Đ, Vũ Thái A và anh Nguyễn Văn K, anh Vũ Văn Đ (anh K là em vợ của B) có xảy ra xô xát. Tuy nhiên, do lúc này tại nhà ông L có nhiều người đến dự tiệc nên đã can ngăn nên hai bên không gây thương tích cho nhau. Do hai bên liên tục chửi và thách thức nhau nên ông L đã đuổi B, Đ, A ra khỏi cổng nhà mình, còn anh Đ và anh K giữ lại nhà ông L để không xảy ra đánh nhau. Sau khi bị đuổi ra khỏi nhà B gọi điện thoại cho con trai là Vũ Trần T nói đến cổng nhà ông L để đưa A về do sợ A đã uống rượu có thể gây ra việc tiếp tục đánh nhau. Khi T đi đến nơi thì cả B, Đ và A đã đi bộ ra khỏi cổng nhà ông L và đứng trước cổng chửi vào phía trong nhà ông L, đồng thời anh K và anh Đ cũng chửi ra. Lúc này, A đứng ngoài thách thức anh K ra đường nhựa để đánh nhau và nhặt một cây gậy gỗ bằng cây cà phê có kích thước 70cm x 2,5 cm cắt bằng hai đầu để đánh nhau với anh K nhưng bị ông Vũ Văn P đứng gần đó giằng lấy ném đi chỗ khác. Sau đó, B, Đ, A và T đi theo hướng về thôn A, xã N. Khi thấy nhóm của B về được một lúc thì anh K cũng ra về theo hướng nhóm của B đã đi trước đó. Khi đi trên đường thì anh K gặp nhóm của B, Đ, A và T. Lúc này, thấy anh K thì B, Đ, A và T vây quanh anh K (tại vị trí cuối phần đất nhà ông L). Sau đó, B nhặt một viên gạch ven đường ném trúng vùng trán bên trái của anh K. Bị ném gạch anh K bỏ chạy thì B tiếp tục ném một viên gạch vào phía sau người anh K.

Tiếp đó, Đ cầm một nửa viên gạch ném về hướng anh K nhưng không trúng, đồng thời T cầm mũ bảo hiểm ném về phía người của anh K nhưng không xác định được có trúng hay không. Do bị đánh anh K bỏ chạy thì B, Đ, A và T đuổi theo và nhiều lần dùng gạch ném về phía anh K. Quá trình đuổi anh K, Đ cầm ¼ viên gạch ném một phát trúng vào phía sau vùng cằm của anh K, T cũng cầm gạch ném về phía anh K nhưng không xác định được trúng hay không. Lúc này, A cũng chạy đuổi theo anh K để đánh. Thấy vậy, anh K chạy được thêm khoảng 10m nữa thì ngã xuống ngay bên lề đường thì bị B, Đ và T đứng vây quanh và dùng tay, chân dẫm đá nhiều nhát vào người anh K, Đ nhặt một mảnh vỡ viên gạch đập theo hướng từ trên xuống nhưng anh K lấy hai tay che chắn nên không bị trúng vào mặt. Cùng lúc này, A chạy đến định đánh anh K nhưng do thấy anh K đã bị thương nên B nói “thôi không đánh nữa” tất cả mọi người bỏ đi về. Sau đó, anh K được đưa đi cấp cứu và điều trị tại bệnh viện Đ.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 131/TgT, ngày 06-6-2017 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: Anh Nguyễn Văn K bị sẹo vết thương phần mềm, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là: Sẹo vết thương vùng trán trái tỷ lệ 01%; sẹo vết thương vùng trán trái tỷ lệ 01%, cộng lại bằng 0,99%; một sẹo vết thương vùng cằm trái tỷ lệ 01%, cộng lại bằng 0,98%. Tổng tỷ lệ: 2,97%, làm tròn bằng 03%. Thương tích gây nên trực tiếp bởi vật tày có cạnh.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 29-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình B, Vũ Đức Đ, Vũ Trần T và Vũ Thái A phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; các điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo B (không áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đ), xử phạt: Vũ Đình B và Vũ Đức Đ mỗi bị cáo 08 tháng tù cho hưởng án treo. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Vũ Thái A và Vũ Trần T mỗi bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 590 của Bộ luật Dân sự 2015: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 39.660.000 đồng, được trừ số tiền 20.000.000 đồng các bị cáo đã nộp tại cơ quan thi hành án dân sự; mỗi bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 4.915.000 đồng.

Ngày 03-4-2018, bị hại kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Hành vi của các bị cáo phạm vào tội “*Giết người*” với các tình tiết tăng nặng “*Phạm tội có tổ chức*” và “*Cố ý phạm tội đến cùng*”; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ không đúng pháp luật; kết luận giám định không đúng thực tế, yêu cầu giám định lại; chưa xem xét bồi thường tổn thất tinh thần, yêu cầu tăng mức bồi thường và hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại rút một phần kháng cáo, cụ thể: Không yêu cầu xem xét lại tội danh “*Giết người*” đối với các bị cáo và không yêu cầu giám định lại; giữ nguyên yêu cầu về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự và tăng trách nhiệm dân sự; đồng thời bổ sung kháng cáo tăng hình phạt và không cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xử phạt các bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan. Riêng bị cáo B đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần vì lý do vết thương và tỷ lệ thương tích của người bị hại không thể ảnh hưởng đến tinh thần của người bị hại.

Các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại trình bày luận cứ: Các bị cáo đều khai bị hại sử dụng dao để tấn công các bị cáo nhằm đổ lỗi cho bị hại, thực tế không có chứng cứ chứng minh tình tiết này, đồng thời lời khai của các bị cáo không phù hợp với các tình tiết của vụ án; sau khi sự việc xảy ra các bị cáo không đến thăm hỏi và bồi thường thuốc men, chi phí điều trị cho bị hại, một năm sau mới nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song một khoản tiền bồi thường điều đó thể hiện thái độ không ăn năn hối cải và sự tự nguyện trong việc bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả*” quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là không đúng với các quy định của pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn nhận định bị cáo B có bố vợ là Liệt sỹ để áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo B là không đúng với hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ của từng bị cáo; sau khi đã được can ngăn tại nhà ông L, các bị cáo tiếp tục tìm kiếm cơ hội thuận lợi để đánh bị hại, khi bị hại đã bị ngã, máu chảy nhiều không còn khả năng tự vệ, các bị cáo còn cố tình thực hiện tiếp việc ném gạch, đâm đá đối với bị hại, chỉ khi có sự can ngăn của người khác mới dừng lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội có tổ chức*” và “*Cố ý thực hiện tội phạm đến cùng*” quy định tại điểm a, e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo. Riêng bị cáo B hiện nay đang bị mẹ vợ tố cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền chế độ chính sách đối với thân nhân của Liệt sỹ. Như vậy, căn cứ vào các hướng dẫn về điều kiện cho hưởng án treo thì các bị cáo không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt và không cho các bị cáo được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự: Với thương tích vùng đầu của bị hại, hậu quả các di chứng ảnh hưởng đến thần kinh là khó tránh khỏi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại số tiền 552.184.000 đồng trong đó 120.000.000 đồng tiền bù đắp tổn thất tinh thần.

Người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại không có ý kiến trình bày bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự

chấp nhận thêm khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần đối với người bị hại tương đương 05 tháng lương cơ bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa người bị hại rút một phần kháng cáo và bổ sung yêu cầu kháng cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Chỉ vì những mâu thuẫn trong nội bộ gia đình lâu ngày chưa được giải quyết dứt điểm, nên khoảng 22 giờ 30 phút ngày 19-3-2017 tại thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông các bị cáo Vũ Đình B, Vũ Đức Đ, Vũ Thái A và Vũ Trần T đã có hành vi sử dụng gạch ném trúng phần trán trái và vùng cằm trái của anh Nguyễn Văn K, với tỷ thương tích là 03%. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2018/HS-ST ngày 29-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã kết án các bị cáo B, Đ, T và A về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại và luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

3.1. Về áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; lời khai của các bị cáo phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; có căn cứ xác định các bị cáo đã đề nghị việc bồi thường tiền chi phí điều trị cho bị hại, nhưng bị hại không chấp nhận nên các bị cáo đã nộp mỗi bị cáo 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song với mục đích để bồi thường cho bị hại. Tại bút lục số 243 “Giấy chứng nhận thương binh” thể hiện bị cáo B là thương binh loại A, hạng 2/4. Như vậy, căn cứ hướng dẫn tại điểm c mục 5 Nghị quyết số: 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04-8-2000; tiểu mục 1.1 mục 1 Nghị quyết số: 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12-5-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự; quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi đối với người có công với cách mạng số: 04/2012/UBTVQH 13 ngày 16-7-2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo B, Đ, A và T (áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo B và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo A và T) là có căn cứ và đúng pháp luật. Riêng tình tiết bị cáo B “*Có bố vợ là Liệt sỹ*”, Hội đồng

xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B là không đúng với các quy định của pháp luật.

Mặc dù, giữa các bị cáo và bị hại có mâu thuẫn trong nội bộ gia đình. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo vào ngày 19-3-2017 là bộc phát khi cùng nhau ăn nhậu tại nhà ông L; không có sự bàn bạc và sự câu kết chặt chẽ trong khi thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn không có tổ chức. Ngoài ra, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại mang tính liên tục không có sự cản trở, ngăn cản của người khác và đã dừng lại khi bị cáo Bằng nói “thôi không đánh nữa”, do đó không có cơ sở để xác định các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm đến cùng. Do đó, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song không áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội có tổ chức*” và “*Cố ý thực hiện tội phạm đến cùng*” là đúng pháp luật.

3.2. Xét mức hình phạt Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã xử phạt đối với các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ, đúng các quy định về điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại về việc tăng hình phạt và không cho các bị cáo được hưởng án treo.

3.3. Về trách nhiệm dân sự : Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã xem xét đầy đủ các chi phí hợp lý liên quan đến cấp cứu, điều trị, mất thu nhập của bị hại và buộc các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 39.660.000 đồng là đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song chưa xem xét buộc các bị cáo liên đới bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần đối với bị hại là thiếu sót, không đúng khoản 2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về nội dung này, buộc các bị cáo liên đới bồi thường thêm khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương đương 03 tháng lương cơ bản tại thời điểm xét xử phúc thẩm là 1.300.000đ/tháng. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại là 43.560.000 đồng, được trừ số tiền 20.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, mỗi bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền 5.890.000 đồng.

[4]. Mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước ngày 01-01-2018 (ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật). Tuy nhiên, tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 so với điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là giống nhau. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật Hình sự năm 2015 để kết án đối với các bị cáo. Riêng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định có lợi hơn so với Điều 65 của

Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo.

[5]. Về án phí: Do phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm bị sửa nên Hội đồng xét xử sửa phần án phí dân sự các bị cáo phải nộp.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại về hình phạt và áp dụng pháp luật; chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về trách nhiệm dân sự.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Vũ Đình B 08 (*Tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời gian thử thách là 01 (*Một*) năm 04 (*Bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Vũ Đức Đ 08 (*Tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời gian thử thách là 01 (*Một*) năm 04 (*Bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Vũ Thái A và Vũ Trần T mỗi bị cáo 06 (*Sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời gian thử thách là 01 (*Một*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Vũ Đình B, Vũ Đức Đ, Vũ Thái A và Vũ Trần T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo Vũ Đình B, Vũ Đức Đ, Vũ Thái A và Vũ Trần T phải liên đới bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn K tổng số tiền 43.560.000đ (*Bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), được trừ số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo các biên lai số 002857,

002858, 002859, 002860 ngày 29-01-2018; mỗi bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 5.890.000đ (*Năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Vũ Đình B, Vũ Đức Đ, Vũ Trần T, Vũ Thái A mỗi bị cáo phải chịu 294.500đ (*Hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS - CA tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- CA huyện Đắk Song;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Lương Đức Dương